

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỈNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/DS-ST

Ngày: 24-6-2020

V/v tranh chấp dân sự về hợp đồng
vay tài sản bằng tiền

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH BIÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Hoàng;

Bà Huỳnh Thị Thanh.

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thanh Hùng – Thư ký tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Phong.

Trong ngày 24 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2020 “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Quỹ tín dụng nhân dân N. Địa chỉ trụ sở: Số 397 – Quốc lộ 91, khóm T, thị trấn N, huyện T, tỉnh A. *Đại diện theo pháp luật:* Ông Trần Thanh H – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Kiến P – chức vụ: Phó Giám đốc, Quỹ tín dụng nhân dân N theo giấy ủy quyền số 03/UQ-QTD ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch Hội đồng quản trị, có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Trần Minh N, sinh năm 1958, nơi cư trú: khóm T, thị trấn N, huyện T, tỉnh A. Đang chấp hành án tại Trại giam Định Thành thuộc Tổng cục 8 Bộ Công An, địa chỉ: xã Đ, huyện T, tỉnh A, vắng mặt.

Ông Phạm Văn T, sinh năm 1957, nơi cư trú: khóm T, thị trấn N, huyện T, tỉnh A, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 12 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đại diện Quỹ tín dụng nhân dân N trình bày:*

Ngày 31/10/2017 bà Trần Minh N và ông Phạm Văn T cùng ký hợp đồng tín dụng số 1655CTC17 tại Quỹ tín dụng nhân dân N (sau đây gọi tắt là Quỹ tín dụng), số tiền vay vốn là 665.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm (hạn trả 31/10/2018), lãi suất: 18%/năm, lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất vay trong hạn, mục đích vay: chăn nuôi bò, phương thức trả nợ: trả lãi theo tháng và trả vốn khi đến hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay: theo hợp đồng thế chấp số 1655CTC17 ngày 31/10/2017 bà N và ông T thống nhất thế chấp tài sản gồm: Chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02913bI cấp ngày 06/5/2011, diện tích 839,4 m² tọa lạc xã C, huyện T, tỉnh A; chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00683 cấp ngày 01/3/2011, diện tích 1.029 m² tọa lạc xã N, huyện T, tỉnh A; chứng nhận quyền sử dụng đất số CS03624 cấp ngày 25/03/2016, diện tích 120,4 m² tọa lạc phường V, thành phố C, tỉnh A được chứng thực tại Văn phòng công chứng Lê Trung Hậu, huyện T, tỉnh A số công chứng 2157 ngày 30/10/2017. Trong quá trình vay bà N và ông T không thanh toán nợ khi đến hạn, đến nay số tiền còn nợ tổng cộng vốn, lãi là 942.223.000 đồng, trong đó: Vốn là 665.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 79.800.000 đồng (tính từ 31/10/2017 đến 31/10/2018); tiền lãi quá hạn là 197.423.000 đồng (tính từ ngày 31/10/2018 đến ngày xét xử 24/6/2020).

Quỹ tín dụng yêu cầu bà N, ông T trả số tiền vốn, lãi 942.223.000 đồng và duy trì hợp đồng thế chấp, đồng thời tiếp tục tính lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ gốc.

- *Ý kiến trình bày của bị đơn:* Bà Trần Minh N và ông Phạm Văn T thống nhất về nợ vay, lãi suất theo hợp đồng tín dụng số 1655CTC17 ngày 31/10/2017 như trình bày của Quỹ tín dụng. Ông, bà thống nhất phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 1655CTC17 ngày 31/10/2017 để đảm bảo khoản nợ vay vốn 665.000.000 đồng và lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã thỏa thuận.

- *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

+ Về hợp đồng tín dụng số 1655CTC17 ngày 31/10/2017 giữa Quỹ tín dụng với bà N, ông T trên cơ sở tự nguyện, tự thỏa thuận không trái pháp luật nên phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên. Do bà N, ông T vi phạm nghĩa

vụ nên Quỹ tín dụng khởi kiện yêu cầu trả vốn 665.000.000 đồng và lãi 277.223.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

+ Về hợp đồng thế chấp số 1655CTC17 ngày 31/10/2017 giữa Quỹ tín dụng với bà N, ông T được Công chứng viên Lê Trung Hậu thuộc Văn phòng Công chứng Lê Trung Hậu chứng nhận số 2157 ngày 30/10/2017. Lẽ ra hợp đồng này là không có giá trị pháp lý, do ngày ký kết hợp đồng vào ngày 31/10/2017 là sau ngày Văn phòng công chứng Lê Trung Hậu chứng thực. Tuy nhiên, tại lời khai ngày 29/4/2020, 07/5/2020 và tại phiên tòa ông T cũng thống nhất thế chấp tài sản và đồng ý tiếp tục duy trì tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Vì vậy, cần xem xét chấp nhận yêu cầu của Quỹ tín dụng về tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp nêu trên.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 317, 318, 320, 322, 323, 325, 463, 466, 468 BLDS và Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận sự tự nguyện về thời hạn trả nợ của các đương sự đến ngày 24/8/2020, tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ.

- *Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập*: Biên bản ghi lời khai của bà N ngày 29/4/2020 tại Trại giam Định Thành.

- *Tại phiên tòa hôm nay*:

Bị đơn bà Trần Minh N vắng mặt, nhưng nguyên đơn Đại diện của Quỹ tín dụng và bị đơn ông Phạm Văn T thống nhất thỏa thuận về thời hạn trả nợ vốn, lãi là 942.233.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 1655CTC17 ngày 31/10/2017 lãi suất phát sinh vào ngày 24/8/2020, đồng thời tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số 1655CTC17 ngày 31/10/2017.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Trần Minh N, ông Phạm Văn T có nơi cư trú tại khóm T, thị trấn N, huyện T, tỉnh A. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

Bị đơn bà Trần Minh N được triệu tập lần thứ nhất, nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

Quan hệ pháp luật tranh chấp: Quỹ tín dụng nhân dân N ký Hợp đồng tín dụng cho bà N, ông T vay tiền với mục đích là chăn nuôi bò nhằm nhu cầu sinh hoạt gia đình. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản bằng tiền theo quy định tại điều 463 Bộ

luật dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hợp đồng vay: Xét hợp đồng tín dụng số 1655CTC17 ngày 31/10/2017 được xác lập trên cơ sở tự nguyện và tự thỏa thuận của các bên. Về nội dung và hình thức hợp đồng đều tuân thủ đúng quy định pháp luật và phù hợp theo quy định Điều 13, 18 và Điều 23 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, và lãi suất áp dụng phù hợp theo quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng 2010, nên có cơ sở nhận hợp đồng này là hợp pháp.

[2.2] Về biện pháp giao dịch bảo đảm: Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1655CTC17 ngày 31/10/2017 giữa Quỹ tín dụng với bà N, ông T xác lập là không phù hợp về thời gian ký kết và thời gian chứng thực tại Phòng công chứng, do ngày các bên ký kết hợp đồng (vào ngày 31/10/2017) là sau ngày Văn phòng công chứng Lê Trung Hậu chứng thực (ngày 30/10/2017). Tuy nhiên, tài sản thế chấp là biện pháp để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng, các tài sản thế chấp đã được đăng ký biện pháp bảo đảm vào ngày 31/10/2017, tài sản bảo đảm đều thuộc quyền sở hữu của bà N, ông T và tại lời khai ngày 29/4/2020 bà N thống nhất tự nguyện tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp, đồng thời tại phiên tòa ông T cũng thống nhất ý kiến này là phù hợp với quy định tại Điều 295, 298, 299, 319 của Bộ luật dân sự năm 2015. Nên có cơ sở tiếp tục xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án.

[2.3] Về nghĩa vụ trả nợ: Theo bảng kê tính lãi do đại diện Quỹ tín dụng xuất trình tại phiên tòa, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/6/2020) bà Trần Minh N, ông Phạm Văn T còn nợ tổng cộng số tiền 942.223.000 đồng, trong đó nợ vốn 665.000.000 đồng và tiền lãi 277.223.000 đồng. Bị đơn thống nhất về số tiền nợ vốn và lãi, đồng thời đại diện Quỹ tín dụng thống nhất cho ông T, bà N hạn trả nợ vào ngày 24/8/2020. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bà N vắng mặt không tiến hành hòa giải được, do đó ghi nhận sự thống nhất về thời hạn trả nợ cho Quỹ tín dụng của bà N, ông T vào ngày 24/8/2020.

Theo ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn bà Trần Minh N và ông Phạm Văn T phải chịu án phí theo giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 147, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 317, 319, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;
- điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Quỹ tín dụng nhân dân N đối với bị đơn là bà Trần Minh N, ông Phạm Văn T.

Buộc bà Trần Minh N và ông Phạm Văn T có trách nhiệm trả cho Quỹ tín dụng nhân dân N, tổng cộng tiền vốn và tiền lãi: 942.223.000đ (*chín trăm bốn mươi hai triệu, hai trăm hai mươi ba ngàn đồng*); trong đó nợ vốn: 665.000.000đ (*sáu trăm, sáu mươi lăm triệu đồng*) và tiền lãi: 277.223.000đ (*hai trăm bảy mươi bảy triệu, hai trăm hai mươi ba ngàn đồng*). Ghi nhận sự thống nhất về thời hạn trả nợ của bà Trần Minh N, ông Phạm Văn T cho Quỹ tín dụng nhân dân N vào ngày 24/8/2020.

2. Xử lý tài sản thế chấp theo chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02913bI cấp ngày 06/5/2011, diện tích 839,4 m² tọa lạc xã C, huyện T, tỉnh A; chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00683 cấp ngày 01/3/2011, diện tích 1.029 m² tọa lạc xã N, huyện T, tỉnh A; chứng nhận quyền sử dụng đất số CS03624 cấp ngày 25/03/2016, diện tích 120,4 m² tọa lạc phường V, thành phố C, tỉnh A, đều đứng tên Trần Minh N, Phạm Văn T để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Minh N và ông Phạm Văn T phải chịu 40.267.000đ (*bốn mươi triệu, hai trăm sáu mươi bảy ngàn đồng*) tiền án phí.

Quỹ tín dụng nhân dân N được hoàn lại tiền tạm ứng án phí 19.028.000đ (*mười chín triệu, không trăm hai mươi tám ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số TU/2017/009097 ngày 13 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tịnh Biên.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng cho vay.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa

thì thời hạn kháng cáo tính từ tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h.T;
- Chi cục THADS h. T;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Lưu HS & VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Mỹ